

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-PT

Ngày: 11-11-2021

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và bà Lê Thị Thái Lan;

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân, Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Ninh Thị Huyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn Tg, sinh năm 1957 (*chết*);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tg: Bà Đỗ Thị Hoa Phượng, sinh năm 1970; Chị Huỳnh Thị Tú Thanh, sinh năm 1991; Anh Huỳnh Minh Sang, sinh năm 1994; Chị Huỳnh Thị Dung Tú, sinh năm 1995; Chị Huỳnh Thị Tú Trinh, sinh năm 1998; Chị Huỳnh Thị Tú Quyên, sinh năm 2000; Cùng trú tại: Thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên ủy quyền cho bà Phượng tham gia tố tụng (*văn bản ủy quyền ngày 02/7/2020 – có mặt*);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Phượng: Ông Lê Hồng Duật – Luật sư, Văn phòng luật sư Dân Ý, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên (*có mặt*);

2/ **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn Tg, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (*có mặt*);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Hiệp - Luật sư, Văn phòng Luật sư Nguyễn Khả Thành, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên (*có mặt*).

3/ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Bà Huỳnh Thị Phẩm, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Trung Đông 3, xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; Bà Phẩm ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Nhi tham gia phiên tòa (*văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020*);

- Bà Huỳnh Thị Nhị, sinh năm 1965; Trú tại: Khu phố Thạch Chằm, phường Hòa Xuân Tây, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Lại, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (có mặt);

- Ủy ban nhân dân xã Tg, thị xã ĐH (vắng mặt);

- Ủy ban nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên (vắng mặt);

4/ Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Văn Tg.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phượng trình bày như sau:

Cụ Huỳnh Cữu (chết năm 2013), cụ Nguyễn Thị Thiệp (chết năm 2008) có 04 người con là Huỳnh Văn Tg, Huỳnh Văn Tg, Huỳnh Thị Phẩm, Huỳnh Thị Nhị. Di sản của cụ Cữu, cụ Thiệp để lại gồm: 02 căn nhà cấp 4 cùng các công trình kiến trúc khác gắn liền với thửa đất 211, tờ bản đồ 139D, diện tích 4.020m² và 02 thửa ruộng được Nhà nước giao theo Nghị định 64-CP tại thửa 575, diện tích 636m² và thửa 576 diện tích 531m² (trừ phần diện tích đất lúa cấp cho ông Tg 317,21m² – còn lại là của cụ Cữu, cụ Thiệp), tờ bản đồ 139D, cùng tọa lạc tại thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 708669 ngày 25/12/1998, đứng tên Huỳnh Cữu. Thực hiện dự án Hàm đường bộ Đèo Cả, Ủy ban nhân dân huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) đã 02 lần ra Quyết định thu hồi đất của hộ ông Huỳnh Cữu cụ thể là Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 thu hồi diện tích 789,1m² được bồi thường, hỗ trợ 92.810.225đ (ông Cữu đã chi dùng số tiền 7.810.225đ) còn lại 85.000.000đ đang gửi tại Phòng giao dịch ĐH - Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Yên và Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 thu hồi với diện tích 783,9m² được bồi thường, hỗ trợ 176.337.055đ, số tiền này chồng tôi (ông Tg), bà Huỳnh Thị Phẩm, bà Huỳnh Thị Nhị đã nhận và chia đều cho 03 phần bằng nhau.

Cụ Cữu, cụ Thiệp chết không để lại di chúc, toàn bộ nhà đất của cụ Cữu - Thiệp do ông Tg đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý di sản, vợ chồng bà Phượng - ông Tg, vợ chồng ông Tg - bà Lại có đổ đất sang lấp nâng mặt bằng trên thửa 211. Nay, chồng bà (ông Tg) chết bà xin giữ nguyên các lời trình bày và yêu cầu của chồng bà, đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật; Di sản thừa kế do ông Tg đang quản lý, sử dụng; Yêu cầu chia nhận hiện vật cùng khoản tiền hỗ trợ khi thu hồi đất thành 04 phần cho ông Tg (do bà và các con nhận), ông Tg, bà Phẩm, bà Nhị mỗi người một phần bằng nhau. Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ 176.337.055đ đã được nhận, nên đề nghị tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Tg và người bảo vệ quyền và lợi ích thống nhất trình bày:

Ông Tg thống nhất về diện, hàng thừa kế và thừa nhận đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất của cụ Cữu, cụ Thiệp để lại như người đại diện thừa kế của nguyên đơn đã trình bày.

Khi còn sống, cụ Cữu, cụ Thiệp đã thống nhất cắt cho vợ chồng ông diện tích hai thửa ruộng tại thửa 575 diện tích 636m² và thửa 576 diện tích 531m² cùng

một phần đất ruộng của ông được nhận theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, được ông Nguyễn Văn Thành là cán bộ địa chính xã Tg ghi trực tiếp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669 ngày 25/12/1998 của UBND huyện Tuy Hòa (*nay là thị xã ĐH*) dòng chữ “*DT đã cắt cho HVTg*”, nên đây là tài sản của riêng vợ chồng ông; Đất giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669 do cụ Cửu đứng tên là đất giao cho hộ gia đình, ông là một trong ba nhân khẩu tại thời điểm giao đất nên ông được 1/3 diện tích đất. Do đó, phần di sản của cha mẹ ông để lại là 2/3 diện tích đất vườn còn lại sau khi bị thu hồi và 2/3 số tiền được bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, nên ông không đồng ý chia toàn bộ khối di sản trên theo như nguyên đơn đã trình bày.

Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ 176.337.055đ ông Huỳnh Văn Tg, bà Huỳnh Thị Phẩm, bà Huỳnh Thị Nhị đã nhận thì đề nghị tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị Phẩm, bà Huỳnh Thị Nhị thống nhất trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn, yêu cầu chia di sản thừa kế và xin nhận bằng hiện vật. Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 176.337.055đ, hai bà và ông Tg đã nhận và được chia ba phần như bà Phượng trình bày, đề nghị tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Lại trình bày: Thống nhất theo ý kiến của chồng bà là ông Huỳnh Văn Tg đã trình bày.

- UBND xã Tg trình bày: Hồ sơ địa chính, nguồn gốc di sản thừa kế đã được UBND xã Tg cung cấp đầy đủ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại Công văn số: 2113/UBND-TNMT ngày 04/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện ĐH có nội dung: “*Ông Huỳnh Văn Tg là thành viên của hộ ông Huỳnh Cửu và có tên trong danh sách được chốt tổng số nhân khẩu của hộ ông Huỳnh Cửu nên ông Tg được hưởng một suất quy chuẩn giao cho 01 khẩu là: 317,2m² đất lúa 2 vụ ăn chắc tại phần đất cân đối cấp cho hộ ông Huỳnh Cửu theo GCNQSD đất nêu trên; Diện tích đất ở và đất vườn thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Huỳnh Cửu...*”.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã ĐH đã áp dụng: Các Điều 166, 167 và 170 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 2, 9 và 10 Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Các Điều 620, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 157, 160, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Tg (*chết*); Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tg là bà Đỗ Thị Hoa Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên.

1. Công nhận khối di sản thừa kế của cụ Cửu, cụ Thiệp gồm: Căn nhà cấp 4 (*nhà 02 gian*) cùng các công trình kiến trúc khác gắn liền với thửa đất 211, tờ bản đồ địa chính 139D có diện tích đo đạc thực tế còn lại sau khi bị thu hồi 2.740,4m²

gồm 200m² đất ONT và 2.540,4m² đất HNK; Hai thửa đất lúa tại thửa đất số 575 diện tích 636m², thửa 576 diện tích 531m² (*Trừ diện tích ông Tg nhận theo Nghị định 64/CP là 317,21m²*), cùng tọa lạc tại thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên và khoản tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là 305.293.129 đồng; 07 cây dừa, 02 bụi tre, 01 giếng nước bị đất, có tổng giá trị là 3.359.612.732đ, được chia thành 4 kỹ phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Ông Tg (*do bà Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận thừa kế*), bà Nhị, bà Phạm, ông Tg mỗi người được chia một kỹ phần thừa kế của cụ Cừ, cụ Thiệp trị giá 839.903.183đ, cụ thể:

1.1. Giao chia cho ông Tg được quyền sử dụng, sở hữu căn nhà cấp 4 (*nhà 02 gian*) gắn liền với diện tích đất 935,2m² (*gồm 885,2m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là D*), có giới cận: Đông giáp đất thửa đất giao cho ông Tg (*do bà Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận thừa kế*); Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đường bê tông và quyền sử dụng diện tích đất lúa 1.167m² tại thửa đất số 575 và thửa đất số 576 thuộc tờ bản đồ địa chính số 139D (*trong đó của cụ Cừ, cụ Thiệp 849,79m² có giá trị 28.892.860đ*), tổng giá trị được nhận là 1.093.194.603đ. Ông Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch số tiền là 253.291.420đ cho bà Huỳnh Thị Nhị, bà Huỳnh Thị Phạm, ông Huỳnh Văn Tg (*phần ông Tg do bà Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận thừa kế*).

1.2. Buộc ông Huỳnh Văn Tg phải giao cho ông Huỳnh Văn Tg (*do bà Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận thừa kế*) quyền sử dụng diện tích đất 600,2m² (*gồm 550,2m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là C*), có giới cận: Đông giáp đất được giao chia cho bà Huỳnh Thị Nhị; Tây giáp đất được giao chia cho ông Huỳnh Văn Tg; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đường bê tông; Trên đất có 01 cây dừa, có tổng giá trị là 650.800.000đ.

Giao số tiền 128.956.074đ (*gồm 85.000.000đ tiền gốc và 43.956.074đ tiền lãi tính tới trước ngày 14/11/2020*) đang gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch ĐH - Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Phú Yên đứng tên cụ Huỳnh Cừ (*Số thẻ sổ tiết kiệm VA 5697255, tài khoản: 262000016056, ngày gửi: 14/11/2012*) cho bà Đỗ Thị Hoa Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận, sử dụng; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ (*do ông Huỳnh Văn Tg nhận*). Bà Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên được nhận tổng cộng có giá trị là 838.555.092đ.

Ông Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch số tiền 1.348.088đ cho bà Phụng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên.

1.3. Buộc ông Tg phải giao cho bà Nhị quyền sử dụng diện tích đất 600,2m² (*gồm 550,2m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là B*), có giới cận: Đông giáp đất được chia cho bà Phạm; Tây giáp đất được giao cho bà Phụng; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đất được giao chia cho bà Phạm; Trên đất có 01 cái giếng, 02 cây dừa; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ; Tổng giá trị được nhận là 711.524.018đ.

Ông Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị cho bà Nhị giá trị chênh lệch là 128.379.165đ.

1.4. Buộc ông Huỳnh Văn Tg phải giao cho bà Phạm quyền sử dụng diện tích đất 604,7m² (gồm 554,74m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là A), có giới cận: Đông giáp hộ ông Nguyễn Thuận, ông Nguyễn Đại; Tây giáp đất được giao chia cho bà Nhị; Nam giáp đất của ông Nguyễn Thuận; Bắc giáp đường bê tông; trên đất được chia có 04 cây dừa, 02 bụi tre; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018 đồng; Tổng giá trị được nhận là 714.739.018 đồng.

Ông Tg phải có trách nhiệm thối lại giá trị cho bà Phạm số tiền 123.564.167đ.

Tất cả diện tích đất nêu trên tọa lạc tại thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã DH, tỉnh Phú Yên; Có sơ đồ bản vẽ hiện trạng và bản vẽ phân chia kèm theo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đối với phần móng đá, đất đổ nâng nền của vợ chồng ông Tg, bà Phượng đã cắt giao chia cho bà Phạm, bà Nhị, bà Phượng tự nguyện cho bà Phạm, bà Nhị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí định giá, thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/10/2020 bị đơn ông Huỳnh Văn Tg kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/5/2021 bị đơn ông Huỳnh Văn Tg có đơn bổ sung kháng cáo yêu cầu chia cho ông 1/3 suất trong tổng diện tích 5.187 m² đã được Nhà nước giao cho hộ ông Huỳnh Cửu theo ND 64-CP (trừ đi diện tích đã bị thu hồi) còn lại 2.740,4 m² còn lại 2/3 suất chia thừa kế theo pháp luật.

Ngày 18/5/2021 bị đơn ông Tg có đơn yêu cầu định giá lại tài sản 2 ngôi nhà cấp 4 và 2 bụi tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo vợ chồng ông Tg và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tg giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Về nội dung: Đề nghị Tòa áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn Tg:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thời điểm mở thừa kế hàng thừa kế của cụ Huỳnh Cữu, cụ Nguyễn Thị Thiệp: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định cụ Thiệp chết ngày 07/4/2008, cụ Cữu chết ngày 05/10/2013, diện hưởng thừa kế của cụ Cữu, cụ thiệp là 04 người con gồm: Bà Huỳnh Thị Phầm, ông Huỳnh Văn Tg, bà Huỳnh Thị Nhị, ông Huỳnh Văn Tg, nên Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết tranh chấp di sản thừa kế là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Người đại diện kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hoa Phượng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Phầm, bà Huỳnh Thị Nhị thống nhất yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ Cữu, cụ Thiệp để lại là nhà, đất và các tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669, do Ủy ban nhân dân huyện Tuy Hòa (nay là thị xã ĐH) cấp ngày 25/12/1998; Còn bị đơn đề nghị Tòa án xác định di sản của cụ Cữu, cụ Thiệp để lại là 2/3 diện tích đất vườn còn lại sau khi bị thu hồi và 2/3 số tiền được bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

Ông Huỳnh Văn Tg chết 2018, không để lại di chúc, có vợ là bà Đỗ Thị Hoa Phượng và các con là chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên – là người thừa kế theo pháp luật của ông Huỳnh Văn Tg.

Tại cấp phúc bị đơn ông Tg yêu cầu định giá lại 2 căn nhà và bụi tre. Tuy nhiên, tại biên bản định giá lần 2 vào ngày 19/10/2021 bị đơn ông Tg có ý kiến đề nghị Hội đồng định giá áp dụng kết quả định giá cũ vào năm 2020. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị đơn để tính giá tài sản tranh chấp theo kết quả định tài sản năm 2020.

Bị đơn ông Tg thống nhất di sản là nhà, diện tích đất, giá trị nhà đất, cây trồng trên đất như bà Phượng, bà Nhị, bà Phầm đã trình bày, nhưng ông Tg không đồng ý toàn bộ đất vườn là di sản mà cho rằng diện tích đất vườn Nhà nước giao cho hộ gia đình do cụ Cữu đứng tên, ông Tg là một trong ba nhân khẩu của hộ nên ông Tg được giao 1/3 diện tích vườn. Nên di sản của cụ Cữu, cụ Thiệp chỉ có nhà ở trên 2/3 diện tích đất vườn và 2/3 số tiền được bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Đối với 02 thửa đất lúa tại thửa 575 diện tích 636m² và thửa 576 diện tích 531m² cụ Cữu đã thống nhất cắt cho vợ chồng ông được ông Nguyễn Văn Thành cán bộ địa chính xã Tg ghi trực tiếp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669 ngày 25/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Hòa dòng chữ “DT đã cắt cho HVTg” là của riêng vợ chồng ông.

Phần đất vườn thổ tại thửa đất 211 có nguồn gốc của ông Huỳnh Cữu, bà Nguyễn Thị Thiệp sử dụng ổn định trước khi nhà nước thực hiện chính sách đất đai theo Nghị định 64/CP. Do đó Công văn số 2113/UBND-TNMT ngày 04/9/2015 của UBND huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) đã trả lời đơn yêu cầu của ông Huỳnh Văn Tg: “Căn cứ phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp của UBND xã Tg vào thời điểm chốt nhân khẩu để giao đất nông nghiệp cho hộ ông Huỳnh Cữu thì ông Huỳnh Văn Tg là thành viên của hộ ông Huỳnh Cữu và có tên trong danh sách được chốt tổng số nhân khẩu của hộ ông Huỳnh Cữu nên ông Tg được hưởng một suất quy chuẩn giao cho một nhân khẩu là 317,21m² đất lúa 2 vụ ăn chắc tại phần

đất cân đối cho hộ ông Cửu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0196QSDĐ cấp ngày 25/12/1998; diện tích đất ở (T) và đất vườn (HNK) thuộc quyền quản lý sử dụng của vợ chồng ông Cửu” là có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy, ông Tg chỉ được quyền sử dụng một suất đất sản xuất nông nghiệp với diện tích 317,21m² đất lúa 2 vụ, ông Tg không được giao quyền sử dụng đất ở và đất hàng năm khác nên yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tg xác định ông Tg được 1/3 quyền sử dụng đất ở và đất hàng năm khác tại thửa 211 nói trên là không có căn cứ.

Xét việc ông Tg khai cụ Cửu đã cắt cho ông 02 thửa đất lúa tại thửa 575 diện tích 636m² và thửa 576 diện tích 531m² được ông Nguyễn Văn Thành cán bộ địa chính xã Tg ghi trực tiếp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669 ngày 25/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Hòa dòng chữ “DT đã cắt cho HVTg”. Ông Nguyễn Văn Thành không thừa nhận và tại Kết luận giám định số 188/C54-P5 ngày 21/10/2015 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận dòng chữ “DT đã cắt cho HVTg” tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669 ngày 25/12/1998 của UBND huyện Tuy Hòa không phải do ông Nguyễn Văn Thành cán bộ địa chính xã Tg viết ra. Do đó, yêu cầu này của ông là không có căn cứ.

Như vậy, tổng giá trị của di sản của cụ Cửu, cụ Thiệp là 3.359.612.732đ.

[2.1] Về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ Cửu, cụ Thiệp: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, diện, hàng thừa kế của cụ Cửu, cụ Thiệp đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ Cửu, cụ Thiệp; Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với vấn đề này và cùng thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Cửu, cụ Thiệp để lại thành 04 phần bằng nhau theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí mai táng cụ Cửu, cụ Thiệp cho các đương sự.

[2.2] Phân chia di sản thừa kế: Diện hưởng thừa kế của hai cụ Cửu-Thiệp là 04 người; Di sản của hai cụ Cửu-Thiệp là diện tích đất 2.740,4m², gồm 200m² đất ở (ONT), 2.540,4m² đất hàng năm khác (HNK)) và 849,79m² đất lúa (thửa số 575 và thửa số 576 trừ diện tích ông Tg nhận theo Nghị định 64/CP 317,21m²) và các tài sản gắn liền với đất nêu trên có tổng giá trị là 3.359.612.732 đồng, nên bà Phạm, ông Tg (do Phụng và các con nhận thừa kế), bà Nhị, ông Tg mỗi người được được ¼ số tiền 3.359.612.732 đồng = 839.903.183đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phụng, bà Nhị, bà Phạm đã xác định “Khi bản án phúc thẩm có hiệu Tg pháp luật thì số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là 176.337.055đ ông Tg, bà Nhị, bà Phạm đã nhận và chia làm 03 phần bằng nhau – tương ứng là 58.799.018 đồng”. Điều này phù hợp theo kết quả xác minh tại Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã ĐH. Do đó, người thừa kế của ông Huỳnh Văn Tg, bà Huỳnh Thị Phạm, bà Huỳnh Thị Nhị khi nhận kỷ phần thừa kế sẽ bị khấu trừ.

Trong thời gian quản lý di sản vợ chồng ông Tg bà Phụng, vợ chồng ông Tg, bà Lại có đồ đất sang lấp, nâng mặt bằng thửa đất số 211, Hội đồng định giá đã xác định giá trị khối lượng đất sang lấp nâng mặt bằng của vợ chồng ông

Huỳnh Văn Tg là 18.275.800 đồng, của vợ chồng ông Huỳnh Văn Tg là 13.916.000 đồng. Do đó, khi phân chia hiện vật, người nào nhận phần hiện vật có phần đất sang lập, nâng mặt bằng thửa đất của vợ chồng ông Tg, bà Lại và của vợ chồng ông Tg, bà Phượng thì phải thối lại giá trị.

Hiện nay, bà Phượng cùng các con của bà (gồm *chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên*), bà Huỳnh Thị Nhi, bà Huỳnh Thị Phẩm đã có nhà ở ổn định, vợ chồng bị đơn ông Huỳnh Văn Tg không có nơi ở nào khác ngoài ngôi nhà do cụ Cửu, cụ Thiệp để lại. Các đương sự đều yêu cầu chia bằng hiện vật nhưng không thống nhất việc phân chia. Do đó, căn cứ theo hiện trạng khu đất đủ điều kiện chia bằng hiện vật theo yêu cầu của các đương sự và nhu cầu sử dụng đất và nhà ở, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét, nhận định đầy đủ và đã phân chia phù hợp, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên kết quả phân chia cho các đương sự.

- Ông Huỳnh Văn Tg được quyền sử dụng, sở hữu một căn nhà cấp 4 (02 gian) có giá trị 79.101.743đ gắn liền với diện tích đất 935,2m² (*ký hiệu theo bản vẽ là D*), có giá trị 985.200.000đ (gồm 885,2m² đất HNK có giá 885.200.000đ, 50m² đất ONT có giá trị 100.000.000đ), có giới cận: Đông giáp đất thửa đất giao cho ông Tg do bà Đỗ Thị Hoa Phượng và các con nhận thừa kế; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đường bê tông và quyền sử dụng diện tích đất lúa 1.167m² tại thửa đất số 575 và thửa đất số 576 thuộc tờ bản đồ địa chính số 139D (*trong đó của cụ Cửu, cụ Thiệp 849,79m² có giá trị 28.892.860đ, của ông Tg 317,21m²*), tổng giá trị được nhận là 1.093.194.603đ. Ông Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch số tiền là 253.291.420đ (1.093.194.603đ – 839.903.183đ) cho bà Nhi, bà Phẩm và bà Phượng, các con của bà Phượng, ông Tg. Phần đất ông Tg được nhận đã bao gồm đất đổ nâng nền của vợ chồng ông Tg, bà Lại.

- Buộc ông Tg phải giao cho ông Tg do bà Phượng và các con nhận thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 600,2m² (*ký hiệu theo bản vẽ là C*), có giá trị 650.200.000đ (gồm 550,2 đất HNK có giá trị 550.200.000đ, 50m² đất ONT có giá trị 100.000.000đ), có giới cận: Đông giáp đất được chia cho bà Nhi; Tây giáp đất được giao chia cho ông Tg; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đường bê tông; trên đất có 01 cây dừa có giá trị 600.000đ, có tổng giá trị là 650.800.000đ.

- Giao số tiền 128.956.074đ (gồm 85.000.000đ tiền gốc và 43.956.074đ tiền lãi tính tới trước ngày 14/11/2020) đang gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch ĐH - Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Phú Yên đứng tên cụ Huỳnh Cửu cho bà Phượng và các con nhận, sử dụng; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ (ông Tg đã nhận). Như vậy, tổng giá trị bà Phượng và các con nhận là 838.555.092đ, nên ông Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch số tiền là 1.348.088đ (839.903.183đ - 838.555.092đ) cho bà Phượng và các con của bà Phượng và ông Tg.

- Buộc ông Tg phải giao cho bà Nhi quyền sử dụng diện tích đất 600,2m² (*ký hiệu theo bản vẽ là B*), 650.200.000đ (gồm 550,2m² đất HNK có giá trị 550.200.000đ, 50m² đất ONT có giá trị 100.000.000đ), có giới cận: Đông giáp đất được chia cho bà Phẩm; Tây giáp đất được chia cho bà Phượng và các con; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đất được chia cho bà Phẩm; Trên đất có 01 cái

giếng 1.325.000đ, 02 cây dừa có giá trị 1.200.000đ; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ; Tổng giá trị được nhận là 711.524.018đ, nên ông Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch cho bà Nhị là 128. 379.165đ (893.903.183đ – 711.524.018đ). Trên đất được chia có một phần móng đá và đất nâng nền do vợ chồng ông Tg, bà Phượng xây dựng, tạo lập nhưng bà Phượng không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Buộc ông Tg phải giao cho bà Phẩm quyền sử dụng diện tích đất 604,7m² (ký hiệu theo bản vẽ là A), có giá trị 654.740.000đ (gồm 554,74m² đất HNK có giá trị 554.740.000đ, 50m² đất ONT có giá trị 100.000.000đ), có giới cận: Đông giáp hộ ông Nguyễn Thuận, ông Nguyễn Đại; Tây giáp đất được chia cho ông Tg; Nam giáp đất của ông Nguyễn Thuận; Bắc giáp đường bê tông; trên đất được chia có 04 cây dừa có giá trị 800.000đ, 02 bụi tre khoảng 20 cây có giá 400.000đ; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ; Tổng giá trị được nhận là 714.739.018đ, nên ông Tg phải có trách nhiệm thối lại giá trị cho bà Phẩm số tiền 123.564.167đ. Trên đất được chia có một phần móng đá và đất nâng nền do vợ chồng ông Tg, bà Phượng xây dựng, tạo lập nhưng bà Phượng không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những các chứng cứ đã được nhận định, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa sơ thẩm đã nhận định đầy đủ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tg (*chết*) người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Tg là bà Đỗ Thị Hoa Phượng cùng các con là có căn cứ.

Ông Tg cho rằng Nhà nước giao cho hộ gia đình do cụ Cữu đứng tên ông là một trong ba nhân khẩu của hộ nên ông được giao 1/3 diện tích đất vườn nên di sản của cụ Cữu, cụ Thiệp chỉ có nhà trên 2/3 diện tích đất vườn và 2/3 số tiền được bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất. Đối với 2 thửa đất lúa tại thửa 575 diện tích 636m² và thửa 567 diện tích 531m² cụ Cữu đã cắt cho vợ chồng ông được ông Nguyễn Văn Thành cán bộ địa chính xã ghi trực tiếp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G708669 ngày 25/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Hòa dòng chữ “*DT đã cắt cho HVTg*” là của riêng của vợ chồng ông là không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa ông Tg cũng không có chứng cứ gì mới để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn Tg.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí định giá lần 2: Bị đơn yêu cầu định giá, tự nguyên chịu số tiền 5.000.000đ và đã chi phí xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh Văn Tg;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự: Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Tg (*chết*), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tg: Bà Đỗ Thị Hoa Phượng và các con của vợ chồng ông Tg, bà Phượng; Bị đơn:

Ông Huỳnh Văn Tg; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Phẩm, bà Huỳnh Thị Nhị, bà Nguyễn Thị Lại, Ủy ban nhân dân xã Tg, thị xã ĐH, Ủy ban nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Áp dụng các Điều 166, 167 và 170 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 2, 9 và 10 Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Các Điều 620, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 157, 160, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tg (*chết - người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tg là bà Đỗ Thị Hoa Phụng, chị Huỳnh Thị Tú Thanh, anh Huỳnh Minh Sang, chị Huỳnh Thị Dung Tú, chị Huỳnh Thị Tú Trinh, chị Huỳnh Thị Tú Quyên*).

1. Công nhận khối di sản thừa kế của cụ Huỳnh Cừ, cụ Nguyễn Thị Thiệp gồm: Căn nhà cấp 4 (*nhà 02 gian*) cùng các công trình kiến trúc khác gắn liền với thửa đất 211, tờ bản đồ địa chính 139D có diện tích đo đạc thực tế còn lại sau khi bị thu hồi 2.740,4m² gồm 200m² đất ONT và 2.540,4m² đất HNK; Hai thửa đất lúa tại thửa đất số 575 diện tích 636m², thửa 576 diện tích 531m² (*Trừ diện tích ông Tg nhận theo Nghị định 64/CP là 317,21m²*), cùng tọa lạc tại thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên và khoản tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là 305.293.129 đồng; 07 cây dừa, 02 bụi tre, 01 giếng bị đất, có tổng giá trị là 3.359.612.732đ (*ba tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi hai đồng*), được chia thành 4 kỷ phần bằng nhau theo quy định của pháp luật, gồm Ông Huỳnh Văn Tg (*do bà Đỗ Thị Hoa Phụng, chị Huỳnh Thị Tú Thanh, anh Huỳnh Minh Sang, chị Huỳnh Thị Dung Tú, chị Huỳnh Thị Tú Trinh, chị Huỳnh Thị Tú Quyên nhận thừa kế*), bà Huỳnh Thị Nhị, bà Huỳnh Thị Phẩm, ông Huỳnh Văn Tg mỗi người được chia một kỷ phần thừa kế của cụ Huỳnh Cừ, cụ Nguyễn Thị Thiệp trị giá 839.903.183đ (*tám trăm ba mươi chín triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, một trăm tám mươi ba đồng*), cụ thể:

1.1. Giao chia cho ông Huỳnh Văn Tg được quyền sử dụng, sở hữu căn nhà cấp 4 (*nhà 02 gian*) gắn liền với diện tích đất 935,2m² (*gồm 885,2m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là D*), có giới cận: Đông giáp đất thửa đất giao cho ông Huỳnh Văn Tg (*do bà Đỗ Thị Hoa Phụng, chị Huỳnh Thị Tú Thanh, anh Huỳnh Minh Sang, chị Huỳnh Thị Dung Tú, chị Huỳnh Thị Tú Trinh, chị Huỳnh Thị Tú Quyên nhận thừa kế*); Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường công vụ (*đường nhựa*); Bắc giáp đường bê tông và quyền sử dụng diện tích đất lúa 1.167m² tại thửa đất số 575 và thửa đất số 576 thuộc tờ bản đồ địa chính số 139D (*trong đó của cụ Cừ, cụ Thiệp 849,79m² có giá trị 28.892.860đ*), tổng giá trị được nhận là 1.093.194.603đ (*một tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm lẻ ba đồng*).

Ông Huỳnh Văn Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch số tiền là 253.291.420đ (*hai trăm năm mươi ba triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi đồng*) cho bà Huỳnh Thị Nhị, bà Huỳnh Thị Phẩm, ông Huỳnh

Văn Tg (phần ông Tg do bà Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận thừa kế).

1.2. Buộc ông Huỳnh Văn Tg phải giao cho ông Huỳnh Văn Tg (do bà Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên nhận thừa kế) quyền sử dụng diện tích đất 600,2m² (gồm 550,2m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là C), có giới cận: Đông giáp đất được giao chia cho bà Huỳnh Thị Nhị; Tây giáp đất được giao chia cho ông Huỳnh Văn Tg; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đường bê tông; Trên đất có 01 cây dừa, có tổng giá trị là 650.800.000đ (sáu trăm năm mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).

Giao số tiền 128.956.074đ (gồm 85.000.000đ tiền gốc và 43.956.074đ tiền lãi tính tới trước ngày 14/11/2020) đang gửi tiết kiệm tại Phòng giao dịch ĐH - Ngân hàng ViettinBank Chi nhánh Phú Yên đứng tên cụ Huỳnh Cửu (Số thẻ sổ tiết kiệm VA 5697255, tài khoản: 262000016056, ngày gửi: 14/11/2012) cho bà Đỗ Thị Hoa Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên được nhận, sử dụng; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ (do ông Huỳnh Văn Tg đã nhận). Bà Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên được nhận tổng cộng có giá trị là 838.555.092đ (tám trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi hai đồng).

Ông Huỳnh Văn Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch số tiền 1.348.088đ (một triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm tám mươi tám đồng) cho bà Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên.

1.3. Buộc ông Huỳnh Văn Tg phải giao cho bà Huỳnh Thị Nhị quyền sử dụng diện tích đất 600,2m² (gồm 550,2m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là B), có giới cận: Đông giáp đất được chia cho bà Huỳnh Thị Phẩm; Tây giáp đất được giao cho bà Phượng, chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên; Nam giáp đường công vụ; Bắc giáp đất được giao chia cho bà Huỳnh Thị Phẩm; Trên đất có 01 cái giếng nước, 02 cây dừa; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ; Tổng giá trị được nhận là: 711.524.018đ (bảy trăm mười một triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm mười tám đồng).

Ông Huỳnh Văn Tg phải có nghĩa vụ thối lại giá trị cho bà Huỳnh Thị Nhị giá trị chênh lệch là 128.379.165đ (một trăm hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).

1.4. Buộc ông Huỳnh Văn Tg phải giao cho bà Huỳnh Thị Phẩm quyền sử dụng diện tích đất 604,7m² (gồm 554,74m² đất HNK, 50m² đất ONT - ký hiệu theo bản vẽ là A), có giới cận: Đông giáp hộ ông Nguyễn Thuận, ông Nguyễn Đại; Tây giáp đất được giao chia cho bà Huỳnh Thị Nhị; Nam giáp đất của ông Nguyễn Thuận; Bắc giáp đường bê tông; Trên đất được chia có 04 cây dừa, 02 bụi tre; Số tiền nhận chia tiền bồi thường, hỗ trợ 58.799.018đ; tổng giá trị được nhận là 714.739.018đ.

Ông Huỳnh Văn Tg phải có trách nhiệm thối lại giá trị cho bà Huỳnh Thị Phẩm số tiền 123.564.167đ (một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng).

Tất cả diện tích đất nêu trên tọa lạc tại thôn Hảo Sơn Nam, xã Tg, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên; Có sơ đồ bản vẽ hiện trạng và bản vẽ phân chia kèm theo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Đối với phần móng đá, đất đổ nâng nền của vợ chồng ông Tg, bà Phượng đã cắt giao chia cho bà Phẩm, bà Nhị, bà Đỗ Thị Hoa Phượng tự nguyện cho bà Phẩm, bà Nhị, nên đã giải quyết xong.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với kỹ phần mình nhận là 5.500.000đ. Ông Huỳnh Văn Tg, bà Huỳnh Thị Nhị, bà Huỳnh Thị Phẩm phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 5.500.000đ (*năm triệu năm trăm nghìn đồng*) cho bà Đỗ Thị Hoa Phượng và các con của ông Huỳnh Văn Tg, bà Đỗ Thị Hoa Phượng (*chị Thanh, anh Sang, chị Tú, chị Trinh, chị Quyên*).

4. Về chi phí giám định: Ông Huỳnh Văn Tg phải chịu 5.000.000đ vì kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông Huỳnh Văn Tg không có căn cứ, đã nộp đủ và chi phí xong.

5. Về chi phí định giá lần hai: Ông Huỳnh Văn Tg đã tự nguyện nộp, phải chịu số tiền 5.000.000đ, đã nộp đủ và chi phí xong.

6. Về án phí:

Đối với án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Ông Huỳnh Văn Tg phải chịu án phí sơ thẩm theo giá trị kỹ phần thừa kế mình được nhận là 37.197.000đ, được khấu trừ 400.000đ (*đã nộp 200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000229 ngày 29/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) và 200.000đ án phí sơ thẩm đã thi hành*), nên còn phải nộp 36.797.000đ (*ba mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

6.2. Bà Đỗ Thị Hoa Phượng, chị Huỳnh Thị Tú Thanh, anh Huỳnh Minh Sang, chị Huỳnh Thị Dung Tú, chị Huỳnh Thị Tú Trinh, chị Huỳnh Thị Tú Quyên (*do bà Phượng làm đại diện*) phải chịu án phí sơ thẩm theo giá trị kỹ phần thừa kế được nhận của ông Huỳnh Văn Tg là 37.197.000đ, được khấu trừ vào 12.576.900đ (*đã nộp 200.000 theo Biên lai thu tiền số 10876 ngày 14/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH (nay là thị xã ĐH) và 12.376.900đ án phí sơ thẩm đã thi hành*), nên còn phải nộp 24.620.900đ (*hai mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm đồng*).

6.3. Bà Huỳnh Thị Nhị phải chịu án phí sơ thẩm theo giá trị kỹ phần thừa kế được nhận là 37.197.000đ, được trừ 12.238.900đ án phí sơ thẩm đã thi hành, nên còn phải nộp 24.958.100đ (*hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, một trăm đồng*).

6.4. Bà Huỳnh Thị Phẩm là người cao tuổi, hộ nghèo, nên miễn 37.197.000đ tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Phẩm số tiền 12.875.300đ (*mười hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm đồng*) tiền án phí đã thi hành.

Đối với án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn Tg phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số 0003717 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu Tg pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thị xã ĐH;
- Phòng NV-KT;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang